

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

----- CS 020 -----

**PHƯƠNG ÁN
CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV
CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Bạc Liêu, tháng 3 năm 2015

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

----- (8/02) -----

**PHƯƠNG ÁN
CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV
CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**

Bạc Liêu, tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN	1
1. Giới thiệu về Công ty.....	1
2. Ngành nghề kinh doanh	1
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:	2
4. Quá trình hình thành và phát triển	2
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	5
6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa.....	6
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	11
9. Các rủi ro dự kiến:	12
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	14
1. Thực trạng về tài sản cố định.....	14
2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng	15
3. Thực trạng về tài chính, công nợ	17
4. Thực trạng về lao động	18
III. KẾT LUẬN	18

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	19
1. Cơ sở pháp lý	19
2. Mục tiêu cổ phần hóa.....	20
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	20
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa	21
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	24
1. Hình thức cổ phần hóa	24



2. Tên Công ty cổ phần.....	24
3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến.....	25
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	25
5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá.....	27
6. Loại cổ phần và phương thức phát hành.....	29
7. Chi phí cổ phần hóa.....	29
8. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa.....	30
9. Phương án sắp xếp lại lao động.....	31
10. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty.....	33
11. Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty:.....	35
12. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau khi cổ phần hóa.....	37

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

I. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ.....	41
-------------------------------------	-----------

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
Công ty	Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Bạc Liêu
DT	Doanh thu
ĐH	Đồng hồ
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
LN	Lợi nhuận
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NMN	Nhà máy nước
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân
WB	Tên viết tắt của World Bank, tổ chức Ngân hàng Thế giới

PHẦN I GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty : CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Tên viết tắt : CÔNG TY CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
Tên tiếng Anh : BACLIEU WATER SUPPLY ONE MEMBER CO., LTD
Tên giao dịch : BAWACO
Trụ sở chính : 92 Lê Duẩn, phường 1, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Điện thoại : (0781) 3827777 Fax: (0781) 3824812
Mã số thuế : 1900132402

Website : capnuocbaclieu.com.vn Email: capnuoctpbaclieu@gmail.com
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên: số 1900132402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/08/2010.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên: số 1900132402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/08/2010, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Đầu tư, thi công các công trình: xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh;
- Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thi công các công trình xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp;
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đường dây điện trung hạ thế, trạm biến áp 35KV;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết;
- Đầu tư tài chính, góp vốn liên doanh, mua cổ phần;
- Kinh doanh bất động sản;

- Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và thiết bị;

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu cung cấp chủ yếu các dịch vụ sau:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch.

b) Ngành nghề kinh doanh phụ:

- Đầu tư, thi công các công trình: xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Thi công các công trình xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp.
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đường dây điện trung hạ thế, trạm biến áp 35KV.
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng.
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết.
- Đầu tư tài chính, góp vốn liên doanh, mua cổ phần.
- Kinh doanh bất động sản.
- Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và thiết bị.
- Công ty sẽ kinh doanh các ngành nghề khác khi có đủ điều kiện.

4. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu tiền thân là Công quản nhà máy nước thị xã Bạc Liêu được thành lập vào năm 1950 và trực thuộc Ty Công chánh Bạc Liêu quản lý chỉ đạo về mọi mặt. Thời điểm này hệ thống nước Bạc Liêu còn nhỏ bé chỉ tập trung tại trung tâm Thị xã với một giếng nước ngầm công suất 150 m³/giờ và khoảng 6.000 mét đường ống dẫn nước bằng gang đường kính từ 80 đến 200 mm cung cấp cho gần 1.000 hộ gia đình và một số cơ quan của chính quyền cũ ở khu vực trung tâm còn khu vực ngoại ô có lắp đặt chùng mười vòi nước công cộng để người dân đến lấy nước về sử dụng.

Đầu năm 1970 chính quyền cũ có chủ trương quản lý hệ thống cấp nước tại các địa phương theo ngành dọc và có cơ chế tài chính riêng, lấy thu để hoạt động và phát triển nên lập ra Quốc gia thủy cục (trụ sở tại Sài Gòn) là cơ quan có chức năng quản lý kinh doanh đầu tư các hệ thống cấp nước trên toàn miền nam và có ngân sách riêng của ngành. Do đó năm 1972 Công quản nhà máy nước được bàn giao cho Quốc gia thủy cục quản lý và đổi tên thành Ty Cấp thủy Bạc Liêu.

Tháng 4 năm 1975 trong những ngày đầu giải phóng đất nước Ban kinh tài Bạc Liêu trực thuộc Ủy ban quân quản Tỉnh Bạc Liêu đã tiếp thu và điều hành Ty cấp thủy cho đến đầu năm 1976 thì bàn giao lại cho Công ty khoan cấp nước Miền Nam (Cơ quan tiếp quản Quốc gia thủy cục) để quản lý điều hành theo ngành dọc từ đó đổi tên là Xí nghiệp Cấp nước Bạc Liêu.

Đầu năm 1977 theo chủ trương của Bộ Xây dựng các cơ sở cấp nước của các tỉnh do chính quyền địa phương quản lý điều hành nên tháng 05 năm 1977 Xí nghiệp Cấp nước Bạc Liêu được bàn giao lại cho Ty Xây dựng Minh Hải quản lý .

Đến năm 1987 do Ty Xây dựng Minh Hải đã dời về Cà Mau nên Xí nghiệp Cấp nước Bạc Liêu được bàn giao cho UBND Thị xã Bạc Liêu quản lý để việc chỉ đạo được kịp thời và thuận tiện hơn.

Tháng 10 năm 1990 UBND Thị xã Bạc Liêu trong việc sắp xếp một số cơ quan ban ngành đã sáp nhập 3 đơn vị là Xí nghiệp Cấp nước, Xí nghiệp công trình công cộng và Công ty dịch vụ nhà đất thành Công ty Công trình đô thị và dịch vụ nhà đất. Chức năng nhiệm vụ của Công ty được giao nhiều hơn. Ngoài việc khai thác vận hành hệ thống cấp nước Công ty còn có thêm chức năng quản lý đèn đường, thu gom, vận chuyển, xử lý rác, xây dựng và duy tu mạng lưới thoát nước, cung ứng vật liệu xây dựng và cho thuê nhà thuộc diện quản lý của nhà nước.

Năm 1993 Thị xã Bạc Liêu sáp nhập Xí nghiệp xây dựng Giao thông vào Công ty và giao thêm nhiệm vụ cho Công ty là thi công, duy tu, quản lý đường bộ, quản lý bến xe, bến tàu trên địa bàn thị xã Bạc Liêu đồng thời đổi tên thành Công ty Công trình đô thị.

Tháng 01 năm 1997 tỉnh Bạc Liêu được tái lập và theo luật doanh nghiệp Công ty Công trình đô thị Bạc Liêu trực thuộc UBND tỉnh Bạc Liêu và chịu sự quản lý về chuyên môn của Sở Xây dựng Bạc Liêu.

Tháng 10 năm 2006 do yêu cầu tổ chức, để chỉ đạo điều hành việc chỉnh trang đô thị Bạc Liêu được sâu sát UBND tỉnh Bạc Liêu có quyết định tách bộ phận vệ sinh đô thị của Công ty ra thành lập đơn vị mới là Trung tâm dịch vụ đô thị trực thuộc UBND thị xã Bạc Liêu. Bộ phận còn lại chuyên về đầu tư phát triển, vận hành hệ thống cấp nước và được đổi tên là Công ty Cấp nước Bạc Liêu.

Tháng 08 năm 2010 thực hiện chủ trương chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Công ty một lần nữa được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu và hoạt động cho đến ngày nay.

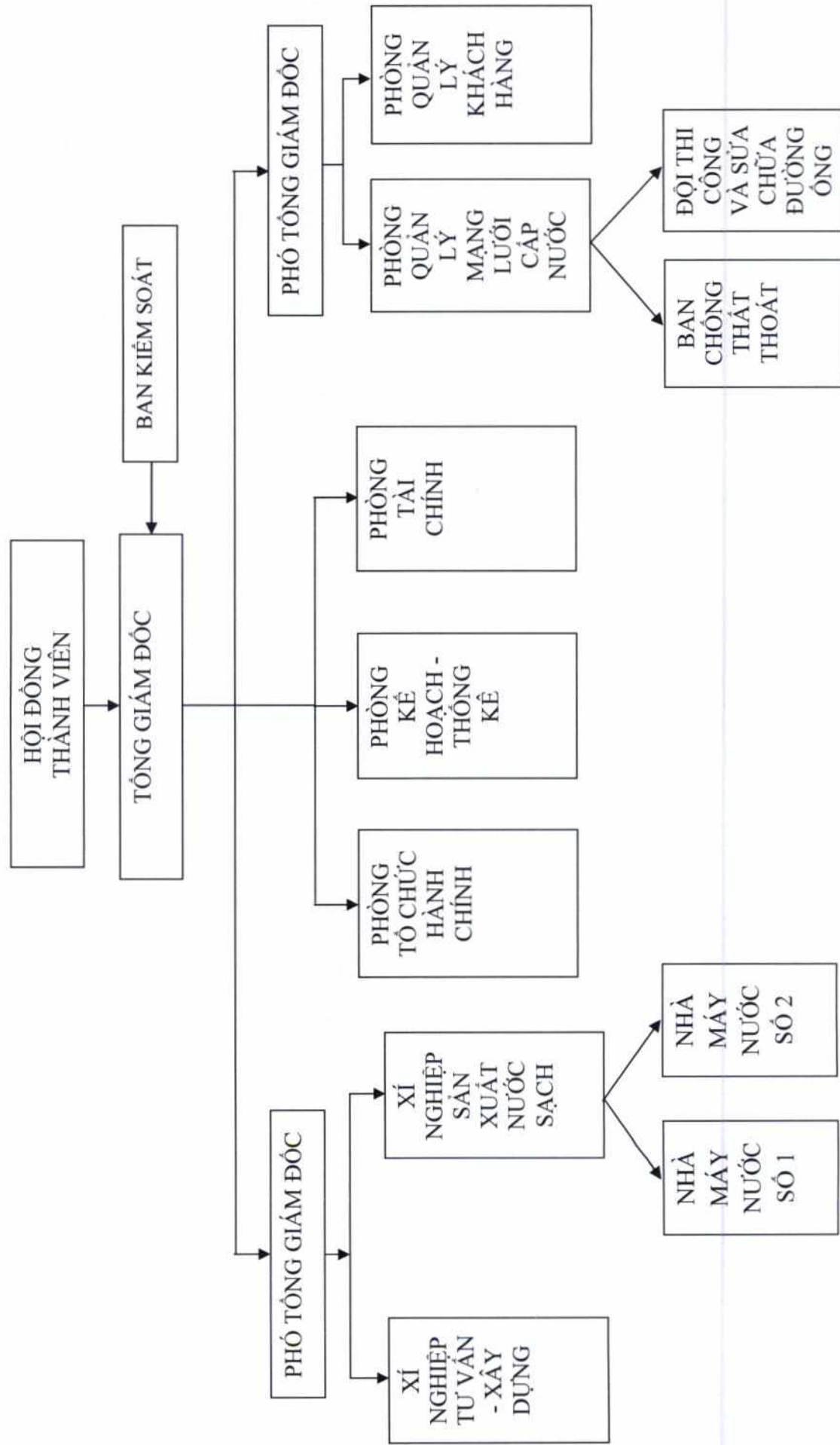
Trải qua nhiều tên gọi, nhiều đơn vị chủ quản do yêu cầu thực tế nhưng toàn thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu trong quá trình lâu dài từ ngày thành lập đến nay luôn phấn đấu tận tụy phục vụ sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân thành phố Bạc Liêu. Đến nay đã xây dựng hệ thống cấp nước tương đối hoàn chỉnh với 2 nhà máy xử lý nước đạt tiêu chuẩn, công suất 22.000 m³/ngày đêm phục vụ cho trên 21.000 hộ gia đình và cơ quan, doanh nghiệp. Công ty ngày càng mở rộng địa

bàn được cung cấp nước, nâng tỷ lệ người được dùng nước sạch hiện nay lên gần 85% đáp ứng đủ nhu cầu nước cho sản xuất công nghiệp, kinh doanh góp phần nhỏ bé của mình vào việc đưa Bạc Liêu phát triển trở thành một thành phố kháng trang sạch đẹp.



5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

5.1 Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu:



5.2 Chức năng, nhiệm vụ từng Phòng, Ban, Xí nghiệp:

5.2.1 Chức năng, nhiệm vụ chính phòng Kế hoạch – Thống kê

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát công tác kế hoạch, thống kê.

5.2.2 Chức năng, nhiệm vụ chính phòng tài chính

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tài chính, kế toán.

5.2.3 Chức năng, nhiệm vụ chính phòng Tổ chức – Hành chính

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, lao động tiền lương, hành chính - quản trị, an toàn lao động, công tác bảo vệ của Công ty; đảm bảo điều kiện cần thiết cho các hoạt động của bộ máy điều hành Công ty.

5.2.4 Chức năng, nhiệm vụ chính phòng Quản lý khách hàng

Tham mưu và giúp việc Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành trên lĩnh vực quản lý và thu tiền nước khách hàng.

5.2.5 Chức năng, nhiệm vụ chính Phòng quản lý mạng lưới cấp nước

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty trực tiếp quản lý, vận hành mạng lưới cấp nước, chống thất thoát nước, thi công lắp đặt ống nhánh khách hàng, sửa chữa mạng lưới đường ống.

5.2.6 Chức năng, nhiệm vụ chính của Xí nghiệp Tư vấn - xây dựng

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành trên lĩnh vực tư vấn, thi công, quản lý mạng lưới cấp nước về mặt hồ sơ, kỹ thuật.

5.2.7 Chức năng, nhiệm vụ chính Xí nghiệp sản xuất nước sạch

Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành các Nhà máy sản xuất nước sạch hoạt động liên tục cung cấp ra hệ thống mạng lưới cấp nước với áp lực và chất lượng nước theo quy định hiện hành của Công ty.

6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

6.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

6.1.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Về hoạt động cấp nước:

Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu hiện đang quản lý vận hành 02 nhà máy nước có tổng công suất: 22.000 m³/ngày đêm:

- Nhà máy nước số 1 có công suất 10.000 m³/ngày đêm
- Nhà máy nước số 2 có công suất 12.000 m³/ngày đêm

Công ty đã xây dựng và phát triển gần 270 km đường ống các loại (từ D49 đến D500), cung cấp nước sạch cho hơn 21.000 hộ khách hàng, chiếm 85% trên tổng số hộ dân ở nội ô thành phố Bạc Liêu.

Sản lượng nước sạch sản xuất và tiêu thụ qua các năm của BAWACO

Sản lượng nước sạch	Sản xuất (m ³)	Tiêu thụ (m ³)
2014	6.232.336	4.944.812
2013	5.914.582	4.615.415
2012	6.168.756	4.183.615

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu

6.1.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là nước khai thác từ nguồn nước ngầm để xử lý nước trước khi cấp vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân.

Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác từ tự nhiên nên nhìn chung nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi chi phí nguyên vật liệu, chi phí điện, chi phí nhân công. Chi phí về nguyên vật liệu hiện nay chiếm khoảng 16,9% giá vốn hàng bán. Trong khi khung giá tiêu thụ nước sạch bán cho người dân do UBND tỉnh Bạc Liêu phê duyệt. Trường hợp chi phí nguyên vật liệu tăng mà UBND tỉnh Bạc Liêu chưa kịp thời điều chỉnh giá bán nước tương ứng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

6.1.3 Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu qua các năm như sau:

Yếu tố chi phí	Năm 2012		Năm 2013		2014	
	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng DT
Giá vốn hàng bán	18.631	65,5%	19.934	63,9%	21.955	59,0%
Chi phí tài chính						
Chi phí bán hàng	1.494	5,3%	1.944	6,2%	2.642	7,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.371	22,4%	6.609	21,2%	8.739	23,5%
Chi phí khác	480	1,7%	1.120	3,6%	1.809	4,9%
Tổng chi phí	26.976	94,9%	29.607	94,9%	35.145	94,5%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu

Quản lý chi phí là vấn đề mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng hết sức quan tâm nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.

Chi phí sản xuất của Công ty chủ yếu là các loại chi phí sau: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Giai đoạn 2010 - 2014, tổng chi phí chiếm khoảng 95% so với tổng doanh thu và được Công ty kiểm soát ở mức khá ổn định, không có thay đổi đột biến. Nhờ đó, Công ty duy trì được mức lợi nhuận ổn định hàng năm.

Giá vốn hàng bán là hạng mục chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 65% trên tổng doanh thu. Trong đó, chủ yếu là các chi phí khấu hao máy móc thiết bị, chi phí xử lý nước, chi phí nhân công. Giá vốn hàng bán có xu hướng giảm trong năm 2014 với tỷ trọng chiếm là 59% trên tổng doanh thu.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty kiểm soát khá chặt chẽ, giữ ở mức dưới 24% trên tổng doanh thu.

Tuy nhiên, để cải thiện và kiểm soát các chi phí một cách chặt chẽ và hiệu quả hơn, Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình như áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Quy chuẩn số QCVN 01:2009/BYT của Bộ y tế, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống cấp nước, tăng công tác quản lý mạng lưới đường ống nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước vô hình và hữu hình.

6.1.4 Trình độ công nghệ

Với nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp nước sạch cho thành phố Bạc Liêu, Công ty đặt việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước là mục tiêu hàng đầu.

Sau nhiều lần cải tạo và nâng cấp, đặc biệt là sau khi hoàn thành Dự án Cấp nước và vệ sinh môi trường thị xã Bạc Liêu do chính phủ Việt Nam và chính phủ Úc đồng tài trợ, hệ thống cấp nước của thành phố khá hoàn chỉnh với 02 nhà máy nước: Nhà máy nước số 01 và nhà máy nước số 02 với tổng công suất là 22.000 m³/ngày đêm.

Công suất hiện tại của Nhà máy nước số 01 là 10.000 m³/ngày đêm. Quy trình xử lý nước: Dàn làm thoáng – Chấm Clo – Lọc – Châm Clo – Trạm bơm cấp 2 – Mạng lưới. Hệ thống xử lý nước đang làm việc ổn định và liên tục 24 giờ/ngày.

Công suất của Nhà máy nước 02 là 12.000 m³/ngày đêm. Quy trình xử lý Dàn làm thoáng – Chấm Clo – Lọc – Châm Clo – Trạm bơm cấp 2 – Mạng lưới.

Hiện nay, do nhu cầu sử dụng nước sạch tăng cao nên Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu phải vận hành 02 nhà máy với công suất giờ cao điểm 22.000 m³/ngày đêm. Mạng cấp nước đang vận hành tốt, đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục cho thành phố Bạc Liêu.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu có mạng cấp nước khoảng 270 km ống dẫn các loại, bao phủ đến 85% các xã phường trong thành phố.

Các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất luôn được trang bị đầy đủ và hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu của công việc như: Các thiết bị của 2 nhà máy nước được đầu tư mới, công nghệ tiên tiến, bên cạnh đó Công ty còn trang bị các thiết bị kiểm soát áp lực ở nơi xa nhất và



bất lợi nhất, thiết bị dò tìm ống bê và rò rỉ, thiết bị phân tích hóa lý và vi sinh nước... đảm bảo chất lượng nước đến người tiêu dùng an toàn, liên tục.

6.1.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Do đặc thù của hoạt động cấp nước, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu chủ yếu là nâng cao chất lượng nước sinh hoạt, mở rộng và cải tạo mạng lưới phân phối đến các vùng nông thôn trong thành phố, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu cấp nước của địa bàn thành phố Bạc Liêu. Ngoài ra Công ty còn ứng dụng một số công nghệ mới như: Hệ thống vận hành tự động các trạm bơm góp phần giảm các chi phí nhân công, ứng dụng các phần mềm hiện đại trong công tác quản lý và vận hành Công ty.

6.1.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu thường xuyên kiểm tra định kỳ chất lượng nước, áp lực nước,... Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu đã ban hành các sổ tay chuyên môn, quy chế quản lý như: Sổ tay Quản lý và vận hành mạng cấp nước, Sổ tay quản lý khách hàng,... nhằm cung cấp thông tin, các quy định, quy trình, công nghệ sản xuất, giúp cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Chất lượng nước của Công ty đạt chất lượng theo tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định tại Quy chuẩn số QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế về “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”.

6.1.7 Hoạt động Marketing

Nhằm góp phần tuyên truyền về sử dụng nước sạch cho cộng đồng dân cư, ý thức việc sử dụng nước sạch để bảo đảm sức khỏe, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu thường xuyên tổ chức các hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu như: các trụ uống nước tại vòi, các áp phích, các tin tức trên báo đài,...

6.1.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty:



6.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	Tr. Đồng	92.121	92.109	106.693
2	Vốn Chủ sở hữu ¹	Tr. Đồng	74.302	75.437	90.405
3	Nợ phải trả	Tr. Đồng	17.819	16.672	16.288
3.1	Nợ ngắn hạn	Tr. Đồng	17.819	16.672	16.288
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	Tr. Đồng	0	0	
3.2	Nợ dài hạn	Tr. Đồng	0	0	
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>		0	0	
4	Nợ phải thu	Tr. Đồng	6.680	5.745	2.410
	<i>Trong đó: Nợ khó đòi</i>	Tr. Đồng	0	0	1.110
5	Tổng số lao động bình quân	Người	97	96	104
6	Tổng quỹ lương	Tr. Đồng	8.706,5	10.029,13	11.784,5
7	Thu nhập bình quân 1 người lao động/tháng	Nghìn đồng	7.479,8	8.705,8	9.442,7
8	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	28.435	31.218	37.243
9	Tổng chi phí	Tr. Đồng	26.976	29.608	35.145
10	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	1.459	1.610	2.098
11	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	1.096	1.208	1.636
12	Tỷ suất LNST/Vốn nhà nước (%)	Tr. Đồng	1,48%	1,60%	1,81%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu

6.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong năm vừa qua, một số yếu tố sau đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu:

Thuận lợi

- Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của UBND tỉnh Bạc Liêu, các cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương các cấp.

¹ Vốn chủ sở hữu không bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi, Nguồn kinh phí và quỹ khác

- Ban Lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.
- Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như xây dựng hệ thống mạng cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, nâng cao chất lượng nước,...
- Đặc thù của sản phẩm nước sạch là không có đối thủ cạnh tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nước nên hoạt động cung cấp nước mang tính ổn định cao.

Khó khăn

- Giá bán nước sạch đôi lúc chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường.
- Vốn đầu tư phát triển mới hệ thống cấp nước chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của thành phố.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty hiện đang quản lý mạng lưới cấp nước trên địa bàn TP. Bạc Liêu. Tại địa bàn hoạt động này, Công ty không có đối thủ cạnh tranh trực tiếp. So với các đơn vị trong ngành nói chung, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là một trong những Công ty cấp nước có uy tín tại địa phương và khu vực miền Nam.

7.2 Triển vọng của ngành

Nước sạch là một dạng tài nguyên đặc biệt quan trọng. Nó đóng vai trò thiết yếu cho cuộc sống và sản xuất, quyết định tồn tại và phát triển của đô thị. Nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh giúp cho dân cư đô thị phòng tránh các bệnh nguy hiểm như bệnh tiêu chảy, tả, giun sán, nấm, phụ khoa...

Hiện nay trên địa bàn thành phố Bạc Liêu một số nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch đến từng hộ gia đình, họ phải sử dụng nước giếng khoan, nước mưa, nước ao đìa để sử dụng cho sinh hoạt gia đình hoặc sản xuất, nguồn nước này chưa đảm bảo về vệ sinh, chưa đảm bảo về các thành phần lý, hóa theo QCVN 01:2009/BYT ban hành ngày 17/06/2009 của Bộ y tế.

Về nhu cầu dùng nước theo quy hoạch Vùng đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn từ 2015 đến 2020 tiêu chuẩn cấp nước cho đầu người là 120 lít/người/ngày đêm và tỷ lệ dân cư được cung cấp nước sạch là 90%. Đối với dân cư thành phố Bạc Liêu qua khảo sát tỉ lệ dùng nước sạch chỉ đạt 100 lít/người/ngày đêm, chưa đạt yêu cầu so với quyết định số 2065/QĐ-TTg ngày 12/11/2010 của Thủ tướng chính phủ.

Về nguồn nước theo Quyết định 2065/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2010 về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng, trong giai đoạn từ sau 2020 các đô thị dọc theo quốc lộ 1A trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (trong đó có thành phố Bạc Liêu) sẽ sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước Sông Hậu 2 (Xây dựng trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh An Giang, công

suất 3.000.000 m³/ngày đêm). Ưu tiên khai thác nguồn nước mặt, sử dụng và khai thác hợp lý nguồn nước ngầm, từng bước giảm lưu lượng khai thác nguồn nước ngầm. Nguồn nước ngầm sẽ hạn chế khai thác để tránh hiện tượng sụp lún và phòng chống biến đổi khí hậu.

Số liệu thống kê sản lượng nước tiêu thụ những năm qua của BAWACO tăng khá nhanh, cụ thể:

- Sản lượng nước tiêu thụ năm 2012: 4.183.615 m³/năm; 2013: 4.615.415 m³/năm và năm 2014: 4.944.812 m³/năm.
- Tốc độ tăng sản lượng tiêu thụ bình quân trong 3 năm là 9%.
- Dự kiến số lượng khách hàng sử dụng nước năm 2020 đạt 29.000 hộ khách hàng.
- Hiện nay, mạng lưới phân phối nước của Công ty đã phủ kín 85% trên tổng số hộ dân ở nội ô thành phố Bạc Liêu.
- Do đó có thể nhận thấy, triển vọng phát triển của Công ty cung cấp nước ở TP. Bạc Liêu là thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động sản xuất và cung cấp nước của Công ty trong thời gian tới.

7.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Căn cứ Quyết định số 2065/QĐ-TTg ngày 12/11/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và căn cứ Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu đã xây dựng **quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh nước của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu từ năm 2015 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030**, Quy hoạch phát triển cấp nước thành phố Bạc Liêu theo hướng bền vững, chất lượng (*chất lượng dịch vụ và chất lượng sản phẩm*), sử dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng các thiết bị không lạc hậu, bảo vệ môi trường (*nhất là môi trường nước*), đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt và sản xuất phù hợp với tốc độ đô thị hóa của thành phố Bạc Liêu và triển vọng ngành trong thời gian tới.

9. Các rủi ro dự kiến:

9.1 Rủi ro về kinh tế:

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bị giảm sút so với giai đoạn trước năm 2008 cụ thể tăng trưởng 6,24% năm 2011, 5,25% năm 2012 và 5,42% năm 2013 và ước tính đạt 5,9% trong năm 2014.

Với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, rủi ro kinh tế sẽ giảm bớt và hoạt động của doanh nghiệp sẽ khả quan hơn trong thời gian tới.

Hoạt động chủ yếu của BAWACO là dịch vụ cấp nước sinh hoạt. Trong đó nước sạch là sản phẩm thuộc dạng thiết yếu của người dân. Do đó, nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng nhiều từ rủi ro kinh tế.

9.2 Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

9.3 Rủi ro đặc thù

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ nguồn nước ngầm. Tuy nhiên, BAWACO có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước như: nguy cơ xâm nhập mặn, nhiễm mặn, giảm lưu lượng nước,...

Rủi ro thất thoát nước

Nguy cơ này chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- ✓ Do các tổ chức cá nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước
- ✓ Do đường ống quá cũ kỹ
- ✓ Do khách hàng gian lận trong việc sử dụng nước

Đánh giá nguy cơ: Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo.

Việc sửa chữa các điểm rò rỉ này được thực hiện trong ngày. Việc thất thoát nước do đường ống cũ kỹ và gian lận trong việc sử dụng nước thì Công ty đang thực hiện kế hoạch chống thất thoát nước để đảm bảo tỷ lệ thất thoát nước theo lộ trình chính phủ tại quyết định số 2065/QĐ-TTg ngày 12/11/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020.

Hiện nay Công ty đang ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu nước thất thoát như: Hệ thống phần mềm Map Info,...

9.4 Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc song chưa hồi phục hoàn toàn. Dòng tiền vào thị trường còn hạn chế. Nguồn cung cổ phiếu với giá rẻ trên

thị trường có khá nhiều, nhà đầu tư cũng ít quan tâm hơn đến hoạt động IPO phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Do đó, việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty sẽ gặp một số ảnh hưởng không nhỏ từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

9.5 Rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, nguồn nước, ...

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	109.474.082.100	31.566.012.094	77.908.070.006
Nhà cửa, vật kiến trúc	32.264.738.848	6.629.629.364	25.635.109.484
+ Tài sản cần dùng	31.984.720.848	6.602.313.471	25.382.407.377
+ Tài sản không cần dùng	280.018.000	27.315.893	252.702.107
Máy móc thiết bị	25.396.001.014	10.435.624.541	14.960.376.473
+ Tài sản cần dùng	25.396.001.014	10.435.624.541	14.960.376.473
+ Tài sản không cần dùng			
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	51.494.283.729	14.291.835.333	37.202.448.396
+ Tài sản cần dùng	51.188.674.154	13.986.225.758	37.202.448.396
+ Tài sản không cần dùng	305.609.575	305.609.575	0
Thiết bị quản lý	319.058.509	208.922.856	110.135.653
+ Tài sản cần dùng	319.058.509	208.922.856	110.135.653
+ Tài sản không cần dùng			
2. Tài sản cố định vô hình	170.000.000		170.000.000

3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.100.296.212	1.100.296.212
-------------------------------------------	----------------------	----------------------

Nguồn: BCTC năm 2014 đã kiểm toán

2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

Tình hình đất đai Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu hiện đang quản lý, sử dụng, chi tiết như sau:

Lô đất tại đường Lê Lợi nối dài, Phường 7, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Trạm bơm số 04)

- Diện tích: 41,70 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất từ 30/04/1975.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Trạm bơm cấp 1 (Giếng G4).
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại Khóm 3, KDC Phường 5 (đoạn Nguyễn Viết Xuân – Nguyễn Trung Trực), TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (trạm bơm số 13)

- Diện tích: 197,36 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm
- Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất .
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Trạm bơm cấp 1 (Giếng G13).
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại đường Cao Văn Lầu, Khóm 3, Phường 5, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (trạm bơm số 15)

- Diện tích: 96 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm
- Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Trạm bơm cấp 1 (Giếng G15).
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại đường Cao Văn Lầu, Phường 2, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (trạm bơm số 17)

- Diện tích: 192,50 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Trạm bơm cấp 1 (Giếng G17).
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại đường Trung tâm hội nghị tỉnh Bạc Liêu (Trạm bơm số 10)

- Diện tích: 64 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước tạm giao đất trong khu đất của Trung tâm hội nghị tỉnh Bạc Liêu.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Trạm bơm cấp 1 (Giếng G10).
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại đường Trần Huỳnh, phường 7, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Đài nước phường 7)

- Diện tích: 321,9 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước tạm giao đất trong khu đất của Trung tâm Văn hóa TP.Bạc Liêu.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Đài nước.
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại số 92 đường Lê Duẩn, Phường 1, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Khu xử lý nước số 1)

- Diện tích: 7.451,96 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Khu xử lý nước.

- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại đường Cao Văn Lầu, Khóm 3, Phường 5, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Nhà máy lọc nước số 2)

- Diện tích: 160 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm
- Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Trạm bơm.
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

Lô đất tại đường Khu dân cư khóm 3, Phường 5, TP.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (Khu xử lý nước số 2)

- Diện tích: 10.720,25 m².
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.
- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm hiện nay: Khu xử lý nước.
- Giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp: 0 đồng.

3. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Vốn chủ sở hữu:	90.405.133.661 đồng
<i>Trong đó:</i>	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	90.343.753.478 đồng
Quỹ đầu tư phát triển:	4.718.638 đồng
Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp:	56.661.545 đồng
Các khoản phải thu:	2.409.871.143 đồng
Phải thu ngắn hạn:	2.409.871.143 đồng
Phải thu dài hạn:	0 đồng
Nợ phải trả:	16.287.594.923 đồng
Nợ ngắn hạn:	16.287.594.923 đồng
Nợ dài hạn:	0 đồng

4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2014, tổng số CBCNV của Công ty là 103 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	103	100
Trình độ đại học và trên đại học	36	34,95
Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	62	60,19
Trình độ khác	5	4,86
Theo loại hợp đồng lao động	99	100
Hợp đồng không thời hạn	90	90,91
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	9	9,09
Theo giới tính	103	100
Nam	85	82,5
Nữ	18	17,5

Nguồn: BAWACO

Số lao động bình quân (người) các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Lao động	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Số lao động bình quân năm	97	96	104

Nguồn: BAWACO

III. KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp Nhà nước do UBND Tỉnh Bạc Liêu quản lý, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu đã phát huy được các tiềm năng, thế mạnh sẵn có và ngày càng khẳng định vị thế dẫn đầu của mình trong hệ thống các doanh nghiệp trong toàn tỉnh.

Căn cứ vào tình hình tổng quan cũng như thực trạng của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, có thể khẳng định BAWACO hoàn toàn có đủ điều kiện để thực hiện cổ phần hóa. Với sự chuyển đổi mô hình doanh nghiệp lần này cũng như sự đổi mới về phương thức quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa sẽ hứa hẹn những bước phát triển mới, hiệu quả và ổn định.

PHẦN II PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP, ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Công văn số 1922/TTg-ĐMDN ngày 24/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2011 – 2015;
- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 – 2015”;
- Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 20/03/2014 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Bạc Liêu;
- Báo cáo tài chính các năm 2012, 2013, 2014 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Bạc Liêu;
- Căn cứ các văn bản hiện hành khác và trên cơ sở các tài liệu kế toán liên quan khác.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu bao gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty hiện nay và trong tương lai;
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp;
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự; gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;
- Việc chuyển đổi từ hình thức Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần, buộc người lao động hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình đối với Công ty, lợi nhuận làm ra không phải là của Nhà nước, mà gắn chặt trên mỗi cổ đông, mỗi cán bộ công nhân viên. Vì vậy người lao động sẽ tích cực và năng nổ hơn trong sản xuất, bộ máy quản lý sẽ được thiết lập lại một cách chình chu và cơ cấu gọn nhẹ hơn, giúp tiết kiệm tối đa chi phí và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND Tỉnh Bạc Liêu và các cơ quan ban ngành của Tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần.
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên cũng được thực hiện chu đáo.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.
- Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu hoạt động tại địa bàn thành phố Bạc Liêu nên việc triển khai bán cổ phần thuận lợi hơn so với các Công ty cấp nước tại địa bàn nông thôn.

0013
CÔNG
CHÍNH
THỊ
CẤP
BẠ
LIÊU

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 06/03/2015 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là: **127.975.671.652 đồng (Một trăm hai mươi bảy tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn, sáu trăm năm mươi hai đồng).**

- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu tại thời điểm 31/12/2014 để cổ phần hóa là: **111.688.076.729 đồng (Một trăm mười một tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng).**

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu tại thời điểm 31/12/2014 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	103.932.093.792	127.975.671.652	24.043.577.860
I. Tài sản dài hạn	83.662.338.161	106.114.350.348	22.452.012.187
1. Tài sản cố định	78.925.664.111	101.277.676.298	22.352.012.187
1.1. TSCĐ hữu hình	77.655.367.899	100.107.380.086	22.452.012.187
- Nhà cửa vật kiến trúc	25.382.407.377	28.541.455.180	3.159.047.803
- Máy móc thiết bị	14.960.376.473	20.467.253.949	5.506.877.476
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	37.202.448.396	50.927.736.334	13.725.287.938
- Thiết bị dụng cụ quản lý	110.135.653	170.934.623	60.798.970
1.2. Tài sản vô hình	170.000.000	70.000.000	(100.000.000)
1.3. Chi phí XDCB dở dang	1.100.296.212	1.100.296.212	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
2. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
- Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	4.736.674.050	4.836.674.050	100.000.000
- Chi phí trả trước dài hạn	4.447.651.648	4.547.651.648	100.000.000
- Tài sản dài hạn khác	289.022.402	289.022.402	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	20.269.755.631	21.861.321.304	1.591.565.673
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.296.865.135	1.296.865.364	229
- Tiền	1.296.865.135	1.296.865.364	229
- Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Các khoản ĐTTC ngắn hạn	11.043.007.942	11.043.007.942	-
- Đầu tư ngắn hạn	11.043.007.942	11.043.007.942	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-
3. Các khoản phải thu	2.409.871.143	3.392.380.976	982.509.833
- Phải thu khách hàng	2.013.990.026	1.886.823.813	(127.166.213)
- Trả trước cho người bán	1.017.926.413	1.017.926.413	-

402
 3TY
 NHU
 NH
 NU
 LI
 U-T

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	487.630.750	487.630.750	-
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.109.676.046)	-	1.109.676.046
4. Hàng tồn kho	5.063.594.573	5.063.594.573	-
- Hàng tồn kho	5.063.594.573	5.063.594.573	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	456.416.838	1.065.472.449	609.055.611
- Chi phí trả trước ngắn hạn	267.244.352	876.299.963	609.055.611
- Thuế GTGT được khấu trừ	174.571.017	174.571.017	-
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10.601.469	10.601.469	-
- Tài sản ngắn hạn khác	4.000.000	4.000.000	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	2.760.634.792	2.760.634.792	-
I.Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	252.702.107	252.702.107	-
1. Tài sản cố định	252.702.107	252.702.107	-
II.Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	2.507.932.685	2.507.932.685	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1. Hàng tồn kho	2.507.932.685	2.507.932.685	-
C. TÀI SẢN KHÔNG TÍNH VÀO GTDN	-	-	-
D. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	106.692.728.584	130.736.306.444	24.043.577.860
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (Mục A)	103.932.093.792	127.975.671.652	24.043.577.860
<i>E1. Nợ thực tế phải trả</i>	<i>16.287.594.923</i>	<i>16.287.594.923</i>	-
<i>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</i>	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	87.644.498.869	111.688.076.729	24.043.577.860

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp BAWACO tại thời điểm 31/12/2014 do SIVC lập và Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 06/03/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần là **“Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”**.

2. Tên Công ty cổ phần

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU**
 Tên tiếng Anh : **BACLIEU WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**
 Tên giao dịch : **BAWACO**
 Trụ sở chính : **92 Lê Duẩn, phường 1, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu**
 Điện thoại : **(0781) 3827777** Fax: **(0781) 3824812**
 Website : **capnuocbaclieu.com.vn** Email: **capnuoctpbaclieu@gmail.com**

3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị và nông thôn	3600
2	Đầu tư, thi công các công trình: xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh;	3600
3	Đầu tư, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;	
4	Thi công các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp;	3900
5	Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đường dây điện hạ thế;	42900
6	Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;	7110
7	Kinh doanh vật tư ngành nước và ngành xây dựng;	4669-4663
8	Sản xuất nước tinh khiết đóng chai, nước đá tinh khiết;	1104
9	Đầu tư tài chính, góp vốn liên doanh, mua cổ phần;	
10	Cho thuê nhà, xưởng, mặt bằng và thiết bị;	
11	Cho thuê xe, vận tải hàng hóa...	

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu dự kiến vốn điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng như sau:

Vốn điều lệ Công ty : **111.688.000.000 đồng**
 Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng.
 Số lượng cổ phần : 11.168.800 cổ phần

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

Chênh lệch: 76.729 đồng, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu chuyển về Quỹ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định.

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ khi cổ phần hóa;

Ngoài ra, căn cứ tiết b, khoản 2, Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư khác không thấp hơn 25% vốn điều lệ. Số cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác không thấp hơn 50% số cổ phần nêu trên.

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần bán lần đầu dự kiến như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	6.701.280	67.012.800.000	60%
2	CBCNV mua ưu đãi	191.400	1.914.000.000	1,71%
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	118.400	1.184.000.000	1,06%
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	73.000	730.000.000	0,65%
3	Công đoàn Công ty			
4	Nhà đầu tư chiến lược (dự kiến)			
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	4.276.120	42.761.200.000	38,29%
Tổng cộng		11.168.800	111.688.000.000	100%

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND Tỉnh Bạc Liêu thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu sau khi Công ty cổ phần Cấp nước Bạc Liêu đã chính thức hoạt

động theo Luật Doanh nghiệp, theo phương án cổ phần hóa đã được UBND Tỉnh Bạc Liêu phê duyệt điều chỉnh.

5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

5.1 Phương thức bán cổ phần lần đầu

Việc bán cổ phần lần đầu của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu được áp dụng theo phương thức bán đấu giá công khai quy định tại Điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC. Giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá là cơ sở để xác định giá bán cổ phần cho người lao động được mua cổ phần.

5.2 Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động của Công ty, công đoàn, nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư trong, ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

5.3 Cổ phần bán cho CBCNV

5.3.1 Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”. Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày **31/12/2014** (thời điểm UBND Tỉnh Bạc Liêu công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu để cổ phần hóa) là: **103** người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **103** người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **1.189** năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **118.900 cổ phần** với tổng mệnh giá là **1.189.000.000 đồng** chiếm 1,065% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Công ty có 102 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **118.400 cổ phần**, tương ứng với tổng mệnh giá là **1.184.000.000 đồng** chiếm 1,06% vốn điều lệ Công ty cổ phần (đính kèm theo Quyết định số 54/QĐ-CTY ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu và Danh sách người lao động đăng ký mua cổ phần ưu đãi).

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

5.3.2 Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

BAWACO có 42 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **73.000 cổ phần**, tương ứng tổng mệnh giá là **730.000.000 đồng** chiếm 0,65% vốn điều lệ công ty cổ phần (đính kèm theo Quyết định số 54/QĐ-CTY ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu và Danh sách người lao động đăng ký mua cổ phần cam kết).

Trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động trước hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ cổ phần đã mua thêm với mức giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã mua tại thời điểm cổ phần hóa.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.

Giá bán: bằng giá đấu giá thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai hoặc Công ty bán đấu giá công khai trước khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

5.4 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổng số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài: **4.276.120 cổ phần**, chiếm 38,29% vốn điều lệ.
- Giá khởi điểm là **10.100 đồng/cổ phần** (xem Báo cáo thuyết minh giá khởi điểm do Công ty chứng khoán lập).
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 04-10/05/2015, sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Bạc Liêu phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu thành Công ty cổ phần.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Cty TNHH MTV CNBL đề xuất Công ty Chứng khoán Bản Việt hoặc Công ty Chứng khoán Bảo Việt. Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu trình UBND tỉnh Bạc Liêu xem xét quyết định.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ).

6. Loại cổ phần và phương thức phát hành

6.1 Loại cổ phần

Cổ phần của Công ty tại thời điểm bán lần đầu là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6.2 Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần giá ưu đãi, cổ phần theo cam kết cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách được Công ty lập và được UBND tỉnh phê duyệt cùng với Phương án này.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

7. Chi phí cổ phần hóa

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, tổng mức chi phí tối đa của doanh nghiệp cổ phần hóa có giá trị doanh nghiệp trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng.

Giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là **106.692.728.584** đồng nên tổng chi phí cổ phần hóa của Công ty tối đa là **500.000.000** đồng.

Chi phí cổ phần hóa của Công ty dự kiến bao gồm các khoản mục chính sau:

Stt	Nội dung chi	CHI PHÍ (Đồng)
I.	Các khoản chi trực tiếp	51.200.000
01	Kiểm kê, xác định giá trị tài sản	2.000.000
02	Lập phương án, xây dựng điều lệ	20.000.000
03	Đại hội CNV triển khai CPH	4.200.000
04	Hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin doanh nghiệp	5.000.000
05	Chi phí đại hội cổ đông lần đầu	20.000.000
II.	Chi thuê tư vấn	182.000.000
01	Thuê kiểm toán	25.000.000
02	Thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	97.000.000

03	Thuê tư vấn bán cổ phần	60.000.000
III.	Thù lao BCĐ và Tổ giúp việc	225.990.000
01	Thù lao BCĐ	157.950.000
02	Thù lao Tổ giúp việc	68.040.000
IV.	Các chi phí khác	10.810.000
	TỔNG CỘNG	470.000.000

Ghi chú:

(*) Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần, lệ phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được và tối đa không vượt quá 300 triệu đồng/l cuộc bán đấu giá cổ phần.

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

8. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giá sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.100 đồng và giá đấu thành công thấp nhất là 10.100 đồng/ cổ phần, chi tiết như sau:

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a) 111.688.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b) 111.688.076.729
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c) 44.643.616.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV	1.454.804.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	717.504.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	737.300.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	
3.3	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài	43.188.812.000

4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	44.675.200.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần hoàn vốn ngân sách	(e) = (b) – (a)	76.729
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	470.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	
	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách	(e) + (e) – (f) – (g)	44.173.692.729

Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

9. Phương án sắp xếp lại lao động

9.1 Phương án sử dụng lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động (*trích từ Quyết định số 236/QĐ-CTY ngày 09 tháng 3 năm 2015 về việc phê duyệt Phương án sử dụng lao động do chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu thành Công ty cổ phần*) như sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	103	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	03	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	100	
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	91	
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn, khoán	7	
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0	
	d) Lao động làm việc theo hợp đồng dịch vụ	2	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao	0	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC BẠC LIÊU

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	động của Công ty		
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	0	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	0	
	a) Hết hạn HĐLĐ	0	
	b) Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	0	
	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:	0	
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo ND số 91/2010/NĐ-CP	0	
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	0	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	103	
1	Số lao động mà Hợp đồng lao động, HĐ dịch vụ còn thời hạn, Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng	103	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH	0	
	a) Ốm đau	0	
	b) Thai sản	0	
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	0	
	a) Nghĩa vụ quân sự	0	
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	d) Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0	

9.2 Chính sách đối với người lao động:

Căn cứ khoản 1, điều 10, Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Công ty cổ phần có nghĩa vụ kế thừa mọi trách nhiệm đối với người lao động từ doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang; có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

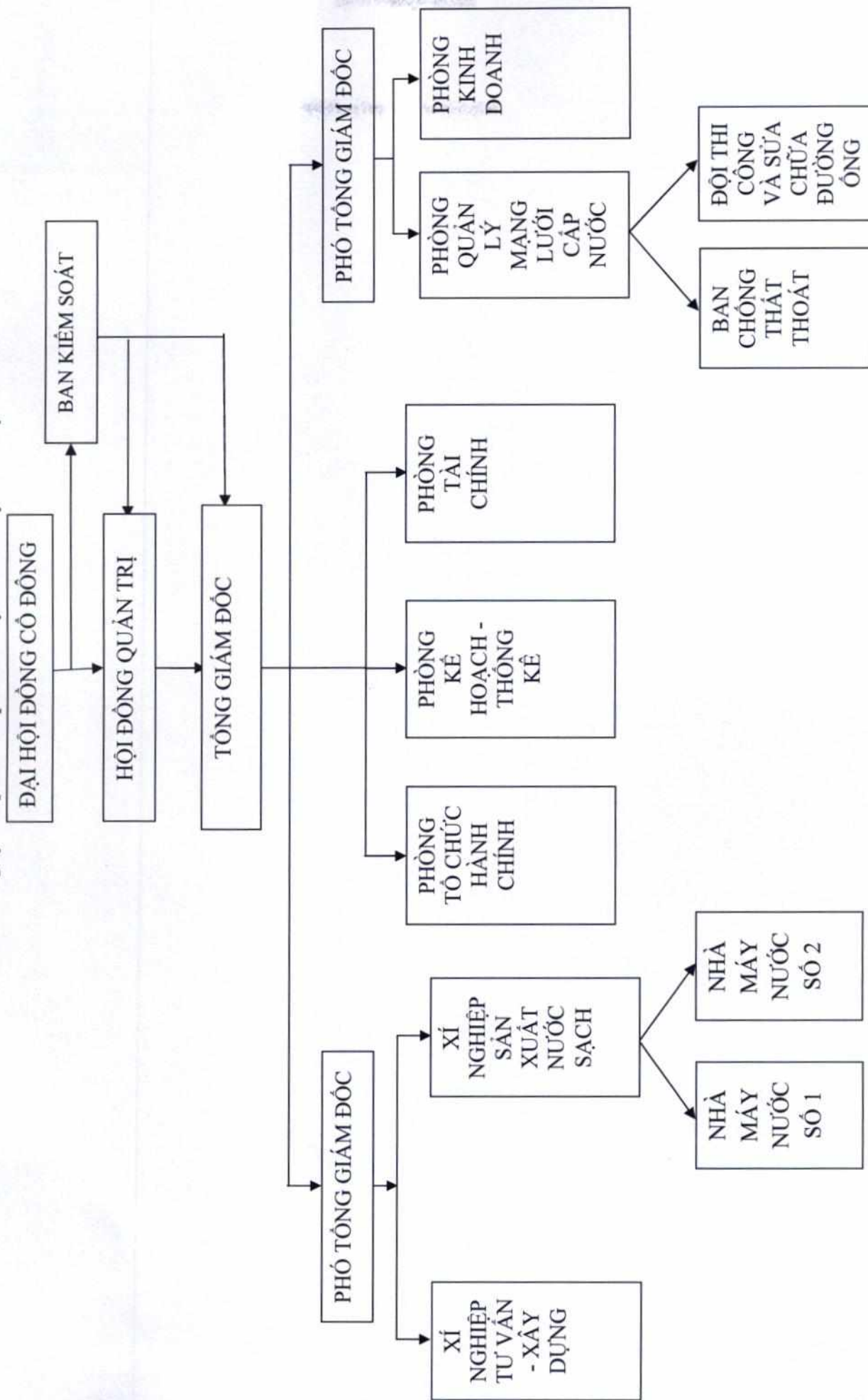
10. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty sau khi cổ phần như sau

STT	CHỨC DANH, CÔNG VIỆC	ĐỊNH BIÊN TỐI ĐA
	TỔNG SỐ	181
I	BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	11
1	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03
2	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03
3	BAN KIỂM SOÁT	03
4	THƯ KÝ	02
II	PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÁNH	10
III	PHÒNG TÀI CHÍNH	09
IV	PHÒNG KINH DOANH	32
V	XÍ NGHIỆP TƯ VẤN XÂY DỰNG	12
VI	PHÒNG QLML CẤP NƯỚC	44
VII	XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH	58
VIII	PHÒNG KẾ HOẠCH - THỐNG KÊ	05

Mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Bạc Liêu được thể hiện ở sơ đồ sau:



11. Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty:

- Tại tờ trình số 39/TTr-Cty ngày 25/07/2014 về việc xin phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu và báo cáo số 280/BC-STNMT ngày 28/08/2014 của Sở Tài nguyên môi trường về việc xem xét nội dung phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm để thực hiện Cổ phần hóa. Ngày 22/09/2014 UBND tỉnh Bạc Liêu có công văn số 3258/UBND-KT về việc chấp thuận phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Một số nội dung chính của phương án sử dụng đất:

S	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc đất	Hiện trạng khu đất	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đất	Mục đích Sử dụng đất	Ghi chú
1	Trạm bơm số 4	Đường Lê Lợi nói dài, Phường 7	41,70	Nhà nước giao đất không thu tiền SDD từ 30/4/1975	Nhà kho và giếng nước bị hỏng chờ XD lại	Khu dân cư tự chỉnh trang (Có chứng chỉ QH số 70/07/CCQH ngày 14/3/2007)	Trạm bơm cấp 1 (Giếng G4)	Góc đường Hòa Bình – Lê Lợi
2	Trạm bơm số 13	Khóm 3, KDC Phường 5 (đoạn Nguyễn Viết Xuân – Nguyễn Trung Trực)	197,36	Chuyển nhượng QSDĐ	Đã XD hoàn thiện; Đang hoạt động	Khu dân cư phường 5 (Có QĐ số 31/QĐ-UBND ngày 13/02/2007 của UBND tỉnh Bạc Liêu)	Trạm bơm cấp 1 (Giếng G13)	
3	Trạm bơm số 15	Đường Cao Văn Lầu, Khóm 3, Phường 5	96,00	Chuyển nhượng QSDĐ	Đã XD hoàn thiện; Đang hoạt động	Khu dân cư tự chỉnh trang (Có chứng chỉ QH số 51/07/CCQH ngày 15/5/2007)	Trạm bơm cấp 1 (Giếng G15)	Gần đường vào khu dân cư Thiên Long
4	Trạm bơm số 17	Đường Cao Văn Lầu, Phường 2	192,50	Nhà nước giao đất có thu tiền SDD	Đã XD hòa thiện; Đang hoạt động	Khu dân cư tự chỉnh trang (Có QĐ số 30/QĐ-UBND ngày 13/2/2007 của UBND tỉnh Bạc Liêu)	Trạm bơm cấp 1 (Giếng G17)	Gần đường vào TT KDC phường 2
5	Trạm bơm số 10	Khu Trung Tâm Hội Nghị tỉnh Bạc Liêu	64,00	Nhà nước tạm giao đất	Đã XD hòa thiện; Đang	Đất XD Trung tâm Văn hóa tỉnh Bạc Liêu	Trạm bơm cấp 1 (Giếng)	Cty mượn đất của TT Hội

S tt	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc đất	Hiện trạng khu đất	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đất	Mục đích Sử dụng đất	Ghi chú
				trong khu đất của TT Hội Nghị tỉnh BL	hoạt động		G10)	ngghi5 đề khoan Giềng nước
6	Đài nước Phường 7	Đường Trần Huỳnh, phường 7, Tp.BL	321,90	Nhà nước tạm giao đất trong khu đất của TT Văn Hóa TP BL	Đã XD hòa thiện; Đang hoạt động	Phù hợp QH (Có CV số 1311/UB ngày 10/11/2003 của UBND tỉnh Bạc Liêu và CCQH số 46/CCQH ngày 07/8/2002 của Sở XD)	Đài nước	Trong khuôn viên TT Văn hóa tp. Bạc Liêu
7	Khu xử lý nước số 1	Đường Lê Duẩn, Phường 1, TPBL	7.451,96	Nhà nước giao đất không thu tiền SDD	Đã XD hòa thiện; Đang hoạt động	Phù hợp QH (QH khu TT Hành chánh)	Khu xử lý nước	VP Công ty (mới)
8	Nhà máy lọc nước số 2	Đường Cao Văn Lầu, Khóm 3, Phường 5	160,00	Chuyển nhượng QSDD	Đã XD, giếng nước bị hỏng, chờ XD lại	QH khu dân cư tự chỉnh trang	Trạm bơm	Cách trạm 15 khoảng 30m
9	Khu xử lý nước số 2	Khu dân cư khóm 3, Phường 5, Tp.BL	10.720,25	Nhà nước giao đất không thu tiền SDD	Đã XD hòa thiện; Đang hoạt động	Cơ bản phù hợp QH. Tuy nhiên công trình XD khu xử lý nước số 2 (Thuộc DA Úc đã XD hoàn thiện đưa vào sử dụng) chông lấn lên QH đã được phê duyet	Khu xử lý nước	NM nước đường Nguyễn Tri Phương vào 100m
	Tổng diện tích (m²):							
				19.245,67m²				

12. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau khi cổ phần hóa

12.1 Định hướng phát triển của Công ty

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2017 Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Bạc Liêu chọn mục tiêu ưu tiên **chất lượng và áp lực nước** là hàng đầu để phục vụ cho khách hàng với phương châm "**Chất lượng hàng đầu, khách hàng trên hết**". Các mục tiêu còn lại như: **giảm chi phí sản xuất, phát triển khách hàng** vẫn thực hiện song trùng. Với mục tiêu nêu trên Công ty luôn luôn nâng cao chất lượng nước nhằm đảm bảo uy tín, thương hiệu và sự tin yêu của khách hàng. Các mục tiêu cụ thể:

- **Chất lượng và áp lực nước:**

+ Chất lượng đạt tiêu chuẩn của Bộ Y Tế,

+ Áp lực nước nơi xa nhất và bất lợi nhất đạt từ 0,8 - 1 KG/cm²

- **Giảm chi phí sản xuất:** giảm các chi phí sản xuất (có kế hoạch giảm chi phí sản xuất hàng năm từ 1% đến 3%), giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch đề ra.

- **Phát triển khách hàng:** mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước đến các khu dân cư tập trung còn lại của thành phố Bạc Liêu. Thực hiện chính sách khuyến mãi, quảng bá thương hiệu, chăm sóc khách hàng,...

12.2 Kế hoạch đầu tư

STT	Dự án	Giá trị đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn		Thời gian thực hiện
			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	
1	Cải tạo nâng cấp nhà nước số 01 công suất từ 10.000 m ³ /ngày đêm lên 15.000 m ³ /ngày đêm	12.240	6.120	6.120	2015 – 2020
2	Cải tạo nâng cấp nhà nước số 02 công suất từ 12.000 m ³ /ngày đêm lên 15.000 m ³ /ngày đêm	12.240	6.120	6.120	2015 – 2020
3	Cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước nội ô thành phố Bạc Liêu	90.342	27.103	63.239	2015 – 2020

Ghi chú: () : Vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu hoặc ODA hoặc phát hành trái phiếu.*

12.3 Kế hoạch kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa (đính kèm theo kế hoạch chi tiết)

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh trong 5 năm 2010-2014 và các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2010-2020, chiến lược phát triển Công ty sau cổ phần hóa nêu trên, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016- 2018 với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	111.688	111.688	111.688
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	40.632,02	42.842,02	46.889,60
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	34.237,57	35.563,79	37.834,12
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.394,44	7.278,23	9.055,48
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tr.đồng	4.987,66	5.677,02	7.063,27
6	LNST/Vốn điều lệ	%	4,47	5,08	6,32
7	Tỷ lệ cổ tức chi trả	%	2,235	2,85	4,085

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu

Ghi chú: - Căn cứ khoản 1 điều 10 nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế được theo tỷ lệ như sau: cụ thể là tỷ suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% cho năm 2015 và 20% từ ngày 01/01/2016.

12.4 Biện pháp thực hiện

Về điều hành hoạt động của công ty Cổ phần

Sau khi chuyển sang công ty Cổ phần, Công ty sẽ hoạt động theo luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Ban giám đốc. Việc bầu HDQT, BKS sẽ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, theo quy định của luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành về công ty Cổ phần. Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là điều lệ được xây dựng theo quy định của luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.

Về điều hành sản xuất kinh doanh

Để đạt được những chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp sau:

- Biện pháp quản lý sản xuất:

- + Tăng cường công tác nâng công suất các nhà máy nước trên cơ sở các biện pháp về kỹ thuật, về hệ thống bơm, hệ thống xử lý;
- + Quản lý vận hành tốt nhà máy, duy tu, bảo dưỡng định kỳ nhà máy, thiết bị;
- + Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn Bộ y tế.

- Biện pháp quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước:

- + Đầu tư mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước, đặc biệt là khu vực chưa có nước;
- + Thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng;
- + Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất

- Biện pháp về tiết kiệm chi phí:

❖ Tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước:

- + Tăng cường công tác chống thất thoát nước, hạ tỷ lệ thất thoát < 25% nhằm tiết kiệm chi phí;
- + Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước, chống gian lận nước;
- + Hàng năm có kế hoạch cải tạo các hệ thống cấp nước bị rò rỉ thất thoát cao.

❖ Tiết kiệm thông qua chi phí điện năng:

- Điện năng và chi phí điện năng là một trong những khoản mục chi phí lớn trong giá thành nước, do đó cần phải có biện pháp tiết kiệm chi phí như:

- + Vận hành máy bơm cấp 1 và thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm, có giá điện thấp sau đó bơm ra mạng lưới vào giờ cao điểm từ bể chứa;
- + Thay thế thiết bị, máy bơm có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng các thiết bị máy bơm hao tổn ít điện năng.

❖ Thông qua các biện pháp giảm chi phí khác:

- + Chống lãng phí về lao động và thời gian lao động: đây là một trong những chi phí lớn trong giá thành nước do vậy cần phải có giải pháp tiết kiệm cụ thể: sắp xếp lại tổ chức bộ máy công ty khoa học, sắp xếp cải tiến công việc, định mức công việc, thực hiện khoán quỹ lương cho người lao động, đối với lao động dôi dư, lao động lười biếng, lao động không có trình độ, năng lực thì giải quyết cho nghỉ việc.
- + Xây dựng quy chế về chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, đầu tư công trình xây dựng đối với công trình do công ty làm chủ đầu tư.

Về tài chính

- Tập trung tích lũy về nguồn vốn để có đủ tiềm lực về tài chính để đủ sức thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho nhân dân thành phố.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, pháp huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư

Về nguồn nhân lực

- Đánh giá năng lực cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động để tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty thực hiện công tác điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

- Thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho công tác đào tạo tại chỗ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng

- Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành người lao động giỏi.

Về thị trường

- Quản bá thương hiệu, chất lượng sản phẩm, dịch vụ ngành nước nhằm tạo cho người dân tin tưởng vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn để khẳng định uy tín thương hiệu của công ty, đáp ứng yêu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng.

Về công nghệ

- Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý cụ thể như: ứng dụng các phần mềm về kế toán, văn phòng, quản lý khách hàng, quản lý tài sản,...

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất, vận hành sản xuất nước sạch.

Giải pháp chung

- Các Trưởng phòng, Giám đốc xí nghiệp, Trưởng ban có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết tháng, quý, 6 tháng, năm; đồng thời triển khai nội dung kế hoạch của công ty và của từng phòng, xí nghiệp, ban cho người lao động thuộc đơn vị mình quản lý nắm vững và thực hiện.

- Các vị lãnh đạo các Phòng, Ban, Xí nghiệp phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện, tháo gỡ vướng mắc và đánh giá thực hiện công việc được giao.

- Nhận định xu thế phát triển chung của tình hoặc những ảnh hưởng khác tác động đến kế hoạch kinh doanh của công ty để từ đó có những đề xuất với ban lãnh đạo điều chỉnh kịp thời kế hoạch, nắm bắt cơ hội kinh doanh mới mang về lợi nhuận cho công ty,...

- Xây dựng chính sách khen thưởng những cá nhân, tập thể có đóng góp, có sáng kiến, có cách làm giảm chi phí sản xuất hay các đóng góp quan trọng khác ... đồng thời nhắc nhở, xử lý các cá nhân, tập thể không tuân thủ sự chỉ đạo của ban lãnh đạo làm ảnh hưởng xấu đến kết quả sản xuất kinh doanh, hoặc thực hiện sai các quy định của công ty, chính sách chế độ của Nhà nước,...

- Xây dựng phong trào thi đua lao động sản xuất tiết kiệm, chống tham ô lãng phí trong toàn công ty.

- Phát huy truyền thống là đơn vị đoàn kết, nhiều năm liền thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu sản xuất kinh doanh để tăng cường sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch đề ra, cùng nhau đưa công ty phát triển xứng tầm trong tỉnh và đồng bằng sông Cửu Long./.

I. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu là phù hợp với chủ trương của nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính đề nghị UBND Tỉnh Bạc Liêu xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định của UBND Tỉnh Bạc Liêu về việc chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Bạc Liêu thành Công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	30/03/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	05-10/5/2015
3	Tổ chức bán cổ phần cho CB CNV	05-10/5/2015
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	11-31/05/2015
5	Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thành lập	31/5 – 10/6/2015
6	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	11/6 – 20/6/2015
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần	20/6 - 25/06/2015
8	Lập Báo cáo tài chính tại thời điểm Công ty CP được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu; thực hiện QT thuế; QT chi phí CP hóa; kiểm toán BCTC; báo cáo UBND tỉnh kết quả CP hóa	01/7 – 15/7/2015

TT	Nội dung công việc	Thời gian
9	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông	01/7 - 15/7/2015
10	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	15/07 - 20/7/2015
11	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	15/7 - 25/7/2015
12	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần	25/7 - 31/07/2015

Bạc Liêu, ngày 26 tháng 3 năm 2015
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC BẠC LIÊU
TỔNG GIÁM ĐỐC




LÊ VĂN SƠN